



QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG VAY TẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG

KHÁCH HÀNG VAY - CHỦ THỂ VAY LÀ MỘT BÊN KÝ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG - TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHO VAY LÀ BÊN THỨ HAI. KHI ĐÃ GIẢI NGÂN THÌ TÀI SẢN - " VỐN VAY" TRỞ THÀNH SỞ HỮU CỦA NGƯỜI VAY. VẤN ĐỀ QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG VAY ĐÃ TRỞ THÀNH QUAN TRỌNG HÀNG ĐẦU CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

TRẦN NAM BÁCH

A- CHỦ THỂ VAY

Nguồn vốn cho vay (vay bằng tiền, vay tài sản bằng hình thức thuê tài chính) có đảm bảo thu hồi gốc và lãi hay không phụ thuộc chủ yếu vào việc hiểu biết chủ thể đi vay. Hiểu biết chủ thể đi vay trên hai phương diện: * Theo qui định của pháp luật; * Theo thông lệ tốt nhất (kinh nghiệm của các Ngân hàng thương mại hiện đại)

Theo qui định của pháp luật, chủ thể vay gồm: cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức. Mỗi loại chủ thể, pháp luật dân sự có những qui định riêng về tư cách chủ thể. Chủ thể vay là cá nhân, phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo điều 17 Bộ luật dân sự năm 2005 "năng lực hành vi dân sự của

cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự", nghĩa là: người vay đã đủ 18 tuổi tròn, không bị các bệnh tâm thần, mất trí hoặc không bị toà án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự. Khi xem xét cho vay và khi lập hợp đồng tín dụng, Tổ chức tín dụng kiểm tra năng lực hành vi dân sự là yêu cầu bên vay đọc và nhận thức đầy đủ nội dung của qui định cho vay, các điều khoản của hợp đồng tín dụng, đặc biệt nhận thức đúng nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi. Trong hợp đồng tín dụng, thể hiện sự nhận thức này là phần cam đoan của người vay "đã đọc, hiểu và nhất trí với hợp đồng tín dụng". Trên thực tế, có trường hợp khách hàng vay đã tranh chấp với lý giải: Hợp đồng tín dụng là theo mẫu in

sẵn của Ngân hàng, cán bộ Ngân hàng yêu cầu phải ký mới được vay và họ không hiểu đầy đủ nội dung hợp đồng- Sự tranh chấp không rõ ràng này có thể tránh được nếu có phần cam đoan của khách hàng vay "đã đọc, hiểu và nhất trí với Hợp đồng tín dụng".

Đối với Tổ hợp tác, Bộ luật dân sự năm 2005 có qui định riêng (từ điều 111 -> điều 120), nhưng khi giao kết Hợp đồng tín dụng thì tổ trưởng tổ hợp tác vẫn với tư cách chủ thể vay là cá nhân

Chủ thể vay là Hộ gia đình: Theo qui định của Bộ luật dân sự năm 2005 thì hộ gia đình là một loại chủ thể hạn chế trong các giao dịch dân sự. Tại điều 107 qui định "1- Chủ thể là đại diện của hộ gia đình trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ... Chủ hộ có

thể uỷ quyền cho một thành viên khác đã thành niên làm đại diện của hộ trong quan hệ dân sự". Bên vay là đại diện hộ ký hợp đồng tín dụng thì cả hộ phải chịu nghĩa vụ hoàn trả nợ, lãi và có quyền sử dụng vốn vay vào lợi ích chung của cả hộ gia đình. Nếu đại diện hộ gia đình ký hợp đồng tín dụng mà có dùng tài sản của hộ thế chấp, cầm cố thì điều hết sức lưu ý là: Tài sản của hộ là tài sản chung của các thành viên và hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản phải có đủ chữ ký của các thành viên hộ gia đình. Nếu có thành viên vắng mặt thì phải có giấy uỷ quyền hợp lệ về việc đồng ý thế chấp, cầm cố tài sản vay bao nhiêu tiền, thời hạn bao lâu và giấy uỷ quyền này phải được cơ quan thẩm quyền chứng thực.

Trong trường hợp hộ gia đình vay món tiền không lớn và được miễn thế chấp thì cũng cần ghi rõ trong hợp đồng tín dụng: "việc phân chia tài sản gia đình không làm ảnh hưởng đến việc thanh toán nợ, lãi hay nói cách khác là chỉ được phân chia sau khi đã thanh toán đủ nợ, lãi vay".

Chủ thể là pháp nhân: Theo điều 91 Bộ luật Dân sự năm 2005: "1- Đại diện của pháp nhân có thể đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo uỷ quyền... 2- Đại diện theo pháp luật của pháp nhân được qui định trong điều lệ của pháp nhân hoặc trong quyết định thành lập pháp nhân". Vấn đề cần lưu ý là cán bộ tín dụng cần kiểm tra những giấy tờ liên quan về người đại diện pháp nhân và giấy uỷ quyền hợp lệ đối với người đại diện uỷ quyền (chú ý: Giấy uỷ quyền phải xem xét kỹ: nội dung uỷ quyền, mức vốn được ký vay, thời hạn bao lâu, vay tại tổ chức tín dụng nào)- Đối với pháp nhân, người đại diện theo pháp luật và người đại diện uỷ quyền, tổ chức tín dụng phải lưu giữ các giấy tờ bản gốc.

Quản lý chủ thể vay

Theo quyết định 1627/2001/QĐ- NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành qui chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng thì khách hàng vay phải có đủ 5

điều kiện vay (qui định tại Điều 7- QĐ 1627) Đến quyết định 127/2005/QĐ - NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung, sửa đổi một số điều của qui chế cho vay 1627 đã qui định khái quát: "Khách hàng vay tại tổ chức tín dụng là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có nhu cầu vay vốn, có khả năng trả nợ để thực hiện các dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống trong nước và nước ngoài..." - Như vậy khách hàng vay có hai điều kiện: * Điều kiện cần "có nhu cầu vay"; * Điều kiện đủ "có khả năng trả nợ". Vốn vay được sử dụng cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống trên phạm vi trong và ngoài nước.

Nội dung quản lý chủ thể vay tập trung vào việc xác định đúng nhu cầu vốn cần vay, giải ngân đúng số vốn vay cần dùng theo tiến độ thực hiện; đồng thời xác định rõ các nguồn trả nợ, quản lý các nguồn này (kể cả cưỡng chế, phát mại). Tổ chức tín dụng giám sát chủ thể vay sử dụng vốn vay đúng mục đích theo Hợp đồng tín dụng đã ký

B- NHỮNG KINH NGHIỆM TỐT VỀ QUẢN LÝ CHỦ THỂ VAY

Căn cứ Basle 1,2 "Chuẩn mực cơ bản thanh tra hoạt động Ngân hàng có hiệu quả" và các tài liệu tập huấn về quản lý tín dụng của các tổ chức tài chính quốc tế, Ngân hàng nước ngoài; kết hợp với những thực tiễn các Ngân hàng trong nước và một số Ngân hàng nước ngoài, có thể nêu lên một số kinh nghiệm tốt về quản lý chủ thể vay như sau:

1. Phân tán rủi ro tín dụng:

Trong hoạt động tín dụng luôn luôn có rủi ro. Tổ chức tín dụng cần phân tán rủi ro ngay từ chính sách cho vay của mình. Trước hết tổ chức tín dụng cần chọn lựa khách hàng mục tiêu; qui định việc chấm điểm, xếp loại khách hàng; qui định mức phân quyết cho vay đối với cán bộ các cấp; ấn định hạn mức tín dụng theo loại, nhóm khách hàng và hạn mức tín dụng đối với khách hàng lớn, khách hàng có quan hệ dây chuyền; xác

định hạn mức tín dụng cho từng phân khúc thị trường...

2. Ba nguyên tắc quản lý chủ thể vay:

▪ Nguyên tắc "Trong tầm kiểm soát": Một cán bộ tín dụng quản lý bao nhiêu khách hàng vay, quản lý bao nhiêu dư nợ.... Những câu hỏi này sẽ không có câu trả lời cụ thể - Vì chủ thể vay là cá nhân, hộ gia đình thường vay số tiền không lớn, nhưng cư trú phân tán, nhất là trên địa bàn nông thôn, đi lại vừa xa về khoảng cách, vừa khó khăn về phương tiện - Nếu chủ thể vay là pháp nhân thì số lượng chủ thể không nhiều, nhưng vốn vay lớn, thậm chí cực lớn và đặc biệt địa bàn hoạt động, qui mô hoạt động rất rộng (có thể cả ngoài nước), bộ máy quản lý nhiều tầng, cấp.

Vấn đề đặt ra đối với cán bộ tín dụng là sự hiểu biết đầy đủ, kịp thời về khách hàng vay, nắm được diễn biến và kết quả sản xuất, kinh doanh của khách hàng từ số liệu, tài liệu đầy đủ, minh bạch, kịp thời - Điều cần lưu ý là cán bộ tín dụng có đầy đủ căn cứ để phân tích, đánh giá khả năng thanh toán nợ, lãi của khách hàng. Như vậy mỗi cán bộ tín dụng có "tầm kiểm soát" khác nhau đối với từng loại chủ thể vay và qui mô sử dụng vốn vay của họ. Điều quan trọng là tổ chức tín dụng qua kinh nghiệm và thực tiễn để xác định "tầm kiểm soát" cho phù hợp.

▪ Nguyên tắc "Luôn luôn thận trọng": Nguyên tắc này chủ yếu thực hiện ở giai đoạn xem xét quyết định cho vay- Câu hỏi quan trọng nhất của nguyên tắc này là "khách hàng vay có đáng tin cậy không?" xét về tính cách, về dòng tiền, về tài sản bảo đảm tiền vay, về môi trường kinh doanh (năng lực cạnh tranh), về chịu sự kiểm soát. Câu hỏi tiếp theo của nguyên tắc này là "cấu trúc của Hợp đồng tín dụng có hoàn chỉnh không và có hoàn thiện quyền của Ngân hàng đối với toàn bộ thu nhập của khách hàng vay không?".

▪ Nguyên tắc "Luôn luôn nghi ngờ ít nhiều về khả năng trả nợ của khách hàng vay": Nguyên tắc này buộc cán bộ tín dụng phải: * Giám sát chặt chẽ dòng tiền của khách hàng vay; * Phát hiện kịp thời các dấu hiệu cảnh báo "Khoản vay có

vấn đề”; * Tổ chức tín dụng (nơi cho vay) có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện khoản vay có vấn đề.

3. Quan tâm đặc biệt đối với chủ thể vay trong các trường hợp sau:

- Vay khoản tiền lớn;
- Vay thời hạn dài;
- Khoản vay sử dụng trong mối quan hệ dây chuyền (với nhiều bên mua, nhiều bên bán);
- Mở tài khoản tiền gửi, tiền vay ở nhiều tổ chức tín dụng (sẽ có cơ hội sử dụng vốn quay vòng và đảo nợ);
- Vay và trả đồng tiền khác nhau vì có sự khác biệt về tỷ giá (vay tiền ngoại tệ, trả nợ bằng việt nam đồng);
- Tài sản thế chấp, cầm cố;
- Tài sản bảo đảm hình thành từ vốn vay là nhà xưởng, thiết bị có giá trị lớn, cực lớn.

4. Những yêu cầu cần thực hiện

▪ Quan trọng nhất là chủ thể vay- Để hiểu biết chủ thể vay, nhất thiết cán bộ tín dụng, cán bộ thẩm định phải trực tiếp gặp gỡ chủ thể vay để họ cung cấp tài liệu và trao đổi những điều cần thiết. Qua đó cũng biết được tính cách của chủ thể vay. Nếu là pháp nhân thì cán bộ tín dụng cũng cần phải gặp gỡ đại diện của pháp nhân (Hiện nay phần lớn cán bộ tín dụng tiếp xúc với hồ sơ và cán bộ giao dịch của pháp nhân);

▪ Trong hồ sơ của cán bộ tín dụng, cán bộ thẩm định ngoài các hồ sơ pháp lý, còn nên có: Trích ngang về chủ thể vay (Gia cảnh, tính cách, mối quan hệ, sở thích,...); danh sách các khách hàng mua chính và bán chính của pháp nhân vay; danh sách quyền đòi nợ đối với các khoản phải thu của pháp nhân vay; danh mục các tài sản thuộc sở hữu của chủ thể vay; các lợi ích khác từ việc khách hàng vay sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng cho vay; bản mô tả nơi sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của khách hàng vay- Những hồ sơ trên giúp cho việc quản lý chủ thể vay đạt hiệu quả tốt hơn ■